

HÁT RU

NGHỆ THUẬT VÀ ĐỀ TÀI CHỦ ĐỀ

NGUYỄN ĐẮC DIỆU LAM

Ở bài viết về Hát ru đăng trên tạp chí Dân tộc học số tháng 1 năm 1992, tôi đã nói đến một số vấn đề chung về hát ru, lịch sử sưu tầm nghiên cứu, hình thức diễn xướng, chức năng sinh hoạt thực hành của hát ru. Tiếp bài trên, bài viết này đề cập tới những vấn đề về đề tài chủ đề, nghệ thuật, nguồn gốc xã hội, và những đặc trưng hình thức khác của hát ru. Góp phần xác định hát ru như một loại hình văn hóa nghệ thuật có tính hoàn chỉnh - một thể loại trong hệ thống đơn vị loại thể Folklore.

1. Nghệ thuật của hát ru

Nói tới nghệ thuật của một loại bài ca là nói tới hệ thống các phương tiện và thủ pháp nghệ thuật của các tác phẩm. Hệ thống nghệ thuật sẽ bao gồm nhiều yếu tố kết hợp với nhau tạo thành đặc trưng riêng góp phần loại biệt bài ca về phương diện hình thức. Ở các tác phẩm ngôn từ, thi pháp với tư cách là những biểu hiện của giá trị nghệ thuật, bao gồm một hệ thống những đặc trưng hình thức dùng ngôn từ làm phương tiện biểu hiện, và nhờ nó tác phẩm tạo nên bức tranh cuộc sống. Còn ở Folklore, tác phẩm được tạo nên bởi sự kết hợp của nhiều phương tiện nghệ thuật khác nhau như ngôn từ, nhạc, vũ, kịch v.v.. Hát ru thuộc về Folklore, thuộc về những loại hình văn nghệ cổ xưa, ở đó các yếu tố nghệ thuật hòa quyện với nhau và chưa ổn định. Hát ru mang đầy đủ trong mình những dấu hiệu khởi nguyên đó, nó không chỉ là bài hát, hay là một hành động ru trẻ ngủ, nó là một tổng thể gồm nhiều yếu tố đan kết, hỗ trợ chặt chẽ cho nhau thành một giá trị nghệ thuật đặc thù.

Yếu tố ngôn từ.

Trong nhiều trường hợp bài "hát ru" mang tính chất cảm hứng cá nhân tức thời, cùng với một lối diễn xướng tự nhiên, cho nên

thường có kết cấu giản đơn, ngắn gọn. Ngôn từ hát ru thường ngưng kết, cô đúc, diễn tả nhanh những hoàn cảnh suy nghĩ, xúc cảm chợt đến. Về căn bản, bài hát ru được sáng tác theo thể thơ lục bát cổ truyền. Nó đạt được ưu thế của thể thơ truyền thống này là diễn tả nội dung trữ tình.

- Bồng bồng mẹ bế con sang
- Đò dọc quan cầm, đò ngang không chèo
- Ru hời, ru hời, ru hời....
- Công cha như núi ngất trời
- Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông
- Núi cao biển rộng mênh mông
- Cù lao chín chữ ghi lòng em ơi...

Đặc điểm đáng lưu ý ở ngôn từ bài hát ru là sự có mặt thường trực của những tiếng "à ơi", hoặc "âu ơ". Đặt vào trong hệ thống những sáng tác dân gian, dễ thấy, đó chính là những yếu tố trùng lặp, thuộc về một đặc điểm chung vốn có ở nhiều thể loại. Chẳng hạn ở thể loại cổ tích, truyện cổ tích nào hầu như cũng bắt đầu bằng "Ngày xưa ngày xưa". Còn đã là Hò thì khai giọng phải là những câu "hò ơ ơ..." ngân dài. Chuỗi "à ơi" "âu ơ" của bài hát ru thuộc về mô típ những câu mở đầu của các thể loại dân ca. Trong dân ca có một hệ thống những câu mở đầu có dạng: À ơi, àu ơ, hò ơ, hò hụi hò khoan... Chúng có đặc điểm chung là thứ ngôn từ có lời mà thiếu nghĩa. Nhưng lại rất riêng khi nằm ở mỗi nhóm, mỗi thể loại dân ca. Chẳng hạn, nếu hát các câu sau với đúng nhạc điệu của nó:

- Ở Bắc Bộ: - À á a à ơi..., à á a à ơi...!
- À ơi ơi hời ơi hời...!
- Ở Nam Bộ: - Àu ơ ơ...!
- Ủ ụ ú u ù ơ...!
- Àu ơ ơ hồ...!

bài hát ru lập tức được loại biệt với các bài ca khác.

Cái hấp dẫn của “à ơ...” có lẽ do được tạo thành bởi một loạt nguyên âm mở trong sáng: ơ, a với thanh bằng làm chủ đạo, thỉnh thoảng điểm xuyết thanh trắc để tăng nhạc tính. Câu à ơ... vang lên gợi cảm giác menh mang, khoáng đạt như cánh cửa mở ra cho những gì chất chứa bên trong.

Cũng cụm từ đó phát hiện một điều lý thú: - Mọi bài ca dù nội dung vốn thuộc thể loại nào, bài ca lễ nghi hay bài ca lao động... nếu phù hợp với hoàn cảnh gia đình hay tâm trạng người mẹ lúc đó, thì người mẹ chỉ việc nối chuỗi “À ơ...” vào thành khúc nhạc dạo đầu, và rải tiếng “À ơ” vào từng dòng lời ca, trong thời điểm ấy, chức năng thực hành nghi lễ hay chức năng cầm nhịp lao động lập tức bị đẩy lùi sau chức năng ru con. Bài ca ấy trở thành bài hát ru. *Hiện tượng chuyển hóa tạm thời* ở đây xảy ra do sự kết hợp của nội bộ yếu tố ngôn từ, cùng với sự chuyển làn điệu cho lời ca. Vì lý do đó, thật khó mà định ra một giới hạn nội dung cho những lời hát ru. Có thể coi nó là vô hạn.

Yếu tố âm ơ và hành động ru

Hệ thống nghệ thuật được tạo nên bao giờ cũng nhằm phục vụ cho thể loại thực hiện tốt chức năng của nó, và thủ pháp nghệ thuật đặc hữu của thể loại nào, thường bộc lộ ở chức năng cơ bản nhất của thể loại ấy.

Lời ca là quan trọng, nhưng nhạc điệu mới là yếu tố đặc hữu trong chính thể nghệ thuật hát ru. Đối tượng tiếp nhận hát ru là con trẻ trong những năm tháng đầu tiên của cuộc đời, là trẻ thơ từ lúc lọt lòng tới khoảng 3, 4 tuổi. Thời kỳ này (tâm lý học cho biết) cho đến một tuổi trẻ mới bắt đầu tri giác và hiểu được những khái niệm đầu tiên. Từ hai đến ba tuổi trẻ mới bắt đầu phát triển ngôn ngữ và thuộc bập bõm vài câu hát ru của bà và mẹ. Nhưng ngay sau khi mới hai ba tháng, thính giác của trẻ đã lắng nghe dòng âm thanh của cuộc sống. Nghe tiếng “âu ơ” đang khóc bé có thể nín dần. Lớn thêm dăm bảy tháng, chúng vui vẻ im lặng khi lời ru cất lên. Khi ru bé ngủ, lời ru càng ngọt mềm thì giấc ngủ đến với bé càng nhanh. Cũng như thế, đồ chơi của trẻ chưa tròn năm phần nhiều là âm thanh “leng reng” của chiếc súc sắc nhựa (và hồi xưa là chiếc “bình boong” có hai hạt cườm lúc lắc đập vào tang trống của ông

già bán rong). Trẻ bước vào thế giới âm thanh sớm hơn thế giới màu sắc và hình khối.

Hát ru được trẻ cảm thụ chủ yếu bằng nghe âm thanh nhịp điệu, vì vậy nhạc tính trong bài hát có ý nghĩa chủ đạo trong hệ thống nghệ thuật của chính thể tác phẩm, nó có tác dụng trực tiếp nhất với đối tượng trẻ thơ.

Do chức năng ru ngủ mà âm nhạc của thể loại này có những đặc điểm riêng.

Nhịp điệu: Động tác ru trẻ trên tay, trên nôi, trên võng là động tác đưa đẩy nhịp nhàng, đều đặn, có tính chu kỳ, điều này khiến cho nhịp và âm hình tiết tấu bài ca cũng đều đặn, nhịp nhàng, phù hợp với động tác ru.

Âm điệu: Âm điệu hát ru hài hòa, dàn trải, tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển của bài ca. Đặc biệt là sự lặp lại giai điệu trong từng phần, từng đoạn. Hiện tượng lặp đi lặp lại gây ức chế ở thần kinh trẻ cùng với thang âm êm đềm, mau chóng đưa trẻ vào trạng thái yên tĩnh của giấc ngủ. Âm và nhịp bài ca vì vậy mang đặc tính của nghệ thuật thực hành - một nghệ thuật gắn liền với sinh hoạt.

Ở hát ru còn một đặc điểm đáng lưu ý nữa là những âm ngân dài êm ả.

- Con cò... cò bay lả... lả bay la...

Bay từ... từ của phủ... bay ra... ra

cánh đồng...

Không gian bỗng rộng hơn, tình người bao la hơn từ những tiếng ngân. Mọi bài hát đều thế, khi được dùng để hát ru đều tuân theo quy luật âm điệu chung: nhẹ nhàng khoan thai. Một chất lượng có tính nguyên tắc của hát ru.

Vaxilencô đã nhận xét rất hay về chất lượng nghệ thuật này của hát ru, tiếng ru “dường như được tạo ra, gọi ra từ bản thân sự đưa đẩy nhẹ nhàng của nó. Trong đó đầy đủ nhất là sự thể hiện tâm trạng người mẹ mong muốn mọi sự yên ổn của đứa con. Sự ấm áp của tâm hồn người mẹ đã sưởi ấm từng dòng từng lời, từng âm thanh bài hát ru”. “Trong nhịp điệu âm thanh bài hát ru người ta thấy sự lay động của nói, chim bay đến, tiếng cọt kẹt của cổng và lời thơ êm dịu của đứa bé đang thiếp đi” (1).

(1) Vaxilencô: *Sáng tác dân gian Nga.*, Nxb Mát-xcơ-va, 1967.

Rất giàu chất nhạc, nhưng hát ru vẫn thuộc loại hát dung dị kiểu toàn âm tự nhiên có cách điệu. Lời ca và nhạc điệu kết hợp khá tự do. Mỗi lời ca có thể bẻ vào nhiều lần điệu khác nhau, và người lại một lần điệu có thể sử dụng nhiều lời ca. Do tính chất của ru mà loại hát này gần với lối ngâm.

Có một số bài hát ru được ghi trở thành nhạc phẩm như: bài "Hát ru" dân ca đồng bằng Bắc Bộ (do Nguyễn Ngọc Oánh ghi âm), nghệ thuật lấy ở bài này khá rõ. Bài "Hát đưa con" - Dân ca Nam Bộ (do Trần Kiệt Tường ghi âm) - một bài ca phong phú về ngâm tự do. Bài "Ru em" - ghi ở Can Lộc, Hà Tĩnh, bài "Hát ru" ghi ở Hoàng Hóa, Thanh Hóa (ghi âm của Lê Quang Nghệ) v.v...

2. Vấn đề đề tài chủ đề của hát ru

Đặt vấn đề tìm hiểu đề tài chủ đề hát ru, không chỉ ý nghĩa là xác định một phạm vi nội dung cho bài hát ru rồi coi đó như một tiêu chí phân biệt với các loại bài ca khác. Nội dung phong phú của các bài ca bộc lộ tính phức tạp của vấn đề này, đó là mức độ phản ánh và giá trị tác dụng bề rộng của nó ngoài chức năng ru ngủ.

Như một lần đã nói, chúng ta thừa nhận bài hát ru được sáng tác và trình diễn cho trẻ còn chưa hiểu hết tiếng nói, vì thế lời bài hát không phải lúc nào cũng có giá trị xác định đối với trẻ. (Vai trò quyết định trong bài hát thuộc về âm điệu và nhịp điệu, cho nên thỉnh thoảng vẫn gặp những điệu hát ru không lời, nhất là đối với trẻ dưới một tuổi. (Ngược lại, trẻ thơ biểu thị mong muốn của mình bằng những âm thanh vô nghĩa và bằng động tác). Lớn lên một chút, lời ca dần dần có ý nghĩa hơn đối với trẻ, nhưng cũng chỉ với những bài thơ đơn giản dễ hiểu. Nhiều bài trẻ không thể hiểu hết các tầng ý nghĩa của nó. Và như vậy, người mẹ có thể gởi trong lời ru nhiều vấn đề nhiều mặt trong đời sống, mà ở một mức độ nào đó không sợ nội dung không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến trẻ. Đề tài và chủ đề của thể loại hát ru vì vậy, rộng lớn hầu như không cùng.

Những bức tranh thiên nhiên tươi đẹp:

- Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

- Sông Tô nước chảy trong ngàn

* Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa
Những bài ca ám áp tình người:

- Đến đây vàng cũng như son

Ai ai thời cũng như con một nhà

- Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đồng lửa như ngồi đồng rơm.

Những ý nghĩa cuộc đời được khái quát lên đây tính triết lý.

- Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao

- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người

- Thui ra mới biết béo gầy

Đến khi cả gió biết cây cứng mềm.

Nhiều khi rất cụ thể, người mẹ nhẹ nhàng khuyên nhủ dạy dỗ con:

-... Thấy hoa đừng bẻ

Thấy trẻ đừng chơi

Câu quán đừng ngồi

Đi tới nơi về tới chốn

- Cái bóng là cái bóng bình

Thối cơm nấu nước một mình mồ hôi

Nhà bóng có khách sang chơi

Cơm bưng nước rót cho vui lòng bà.

Trong lời ru có hết thủy cỏ cây, sông nước, cá lội, chim bay, có tình đồng bào, nghĩa tương thân, có phong tục tập quán cùng mọi lễ sống tốt đẹp. Và cũng trong lời ru, còn chứa những cái oái oăm của chính cuộc sống.

- Miệng ru mắt nhỏ đời hàng

Nuôi con càng lớn mẹ càng lo thêm...

Nội dung trữ tình là đặc trưng cơ bản của hát. Lời hát là tình yêu và trí tuệ con người chung đúc lại. Ở đó chan chứa tình yêu thương âu yếm, cùng với mối quan tâm đối với trẻ. Lời hát nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, mở cửa cho trẻ bước vào xã hội tương lai, góp phần giúp cho "con người sinh thể chuyển thành con người xã hội", không phải lặp lại những gì mà loài người đã trải qua hàng triệu năm về mặt xã hội. Sự sống truyền thống từ bầu sữa mẹ, sự sống còn được truyền từ lời ru của mẹ, bởi thế, hình ảnh người mẹ ôm con trong lòng luôn luôn là một biểu tượng nhân sinh cao đẹp của mọi dân tộc và mọi thời đại.

Bề rộng của đề tài và chủ đề hát ru nhìn trên phương diện thể loại dễ thấy có sự thâm nhập hầu như vô hạn của hầu hết các thể loại văn nghệ dân gian khác: Trong hát ru có cả hát lễ nghi, hát vui chơi của trẻ em (đồng dao), có cả tục ngữ, có mặt đa phần những thể ca và cũng không loại trừ thể tự sự (ví dụ vè). Quan niệm như vậy, chúng ta dễ đồng ý với Trần Hữu Thung khi ông đưa vào tập hát ru mông của mình đủ loại, từ “nu na nu nống”, “dung dăng dung dề”, đến “Thằng bõm có cái quạt mo”, đến “ơn trời mưa nắng phải thì”, rồi “Nghĩa địa thiên kinh”, với cả “Tình ca hai mươi bốn tiết” v.v.... Sự xâm nhập tự nhiên của lời ca từ thể loại này sang thể loại khác là một hiện tượng phổ biến ở văn nghệ dân gian, nhất là ở những mảng dành cho thiếu nhi. Hiện tượng giao hòa trong sinh hoạt văn nghệ do nhu cầu của sinh hoạt thực hành càng chứng tỏ: đề tài và chủ đề không nên là tiêu chí quan trọng để khu biệt các thể loại, nó chỉ là dấu hiệu của tiểu loại hoặc nhóm tác phẩm. Tính không xác định của chủ đề lời hát ru cũng có nguyên do như vậy. Càng không xác định khi lời ca không phải là yếu tố quan trọng nhất trong hát ru. Cũng bởi thế, nguồn gốc xã hội của lời hát ru không giới hạn hẹp bởi vì nó sẽ là nguồn gốc của nhiều thể loại khác xâm nhập vào.

3. Hát ru mà không phải hát để ru

Đó là những bài hát ru không thực hiện chức năng sinh hoạt trực tiếp của nó.

Có tình trạng ấy trong thực tế, người mẹ, những khi hát ru con ngủ, ban đầu bài ca thực hiện đúng nhiệm vụ của nó. Nhưng khi đối tượng thưởng thức đã ngon giấc nhưng bài hát vẫn được tiếp tục, dường như khi cái ngủ thiu thiu thì tiếng hát quay dần về với người mẹ. *Đối tượng thưởng thức và đối tượng diễn xướng lúc này hòa nhập làm một.* Dưới chế độ cũ, thân phận người phụ nữ biết bao tủi cực đắng cay, khổ sở như “con cò lặn lội bờ sông”, loanh quanh luẩn quẩn không lối thoát như “con kiến mà leo cành đa... cành đào”. Người mẹ, bao buồn vui sướng khổ trong cuộc đời bấy nhiêu năm, mỗi hồi tưởng trong ký ức đều có thể thốt thành lời ru. Lời ca

tiếng hát ngày hội hay nổi vất vả qua một ngày lao động. Khi nằm xuống bên con cùng đi vào lời ru. Bài hát ru trở thành một khúc tư tình, một khúc mà:

- *Thân em như thể con rùa
Lên đình đội hạc xuống chùa đội bia
- Cây khô xuống nước cũng khô
Phận nghèo đi tới nơi mô cũng nghèo.*

Cũng có khi không có ý định ru trẻ ngủ, người mẹ chỉ ôm con vỗ về và mượn lời ru để nói với “ai đó”, nói ngụ ý, nói xa xôi, nói trêu chọc.

- *Đi đâu mà chẳng thấy về
Hay là ăn cận ngồi kề với ai
- Làm trai cho đáng nên trai
Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con
- Làm người suy chín xét ba
Cho tương gốc ngon cho ra vắn dài.*

Mượn cơ ru con mà nói, cách xử sự kín đáo, nhẹ nhàng, rất tế nhị ấy âu cũng là tâm tính thường thấy ở người phụ nữ nông dân Việt Nam.

Có thể nói, những lời ca dùng trong cả hai trường hợp trên thường là những lời ca nằm trong bộ phận không ổn định, được chuyển từ phương thức sinh hoạt khác sang.

Hát ru thuộc về trẻ em, hát ru còn là tiếng hát tâm tình của người mẹ. Nó dường như có hai đối tượng thưởng thức: - Đối tượng đích thực mà ở đó, bài hát thực hiện chức năng cơ bản đúng với nghĩa là hát ru. Và đối tượng thứ hai: mượn lời ru để tự tình, bài ca thực hiện một chức năng khác: chắc năng trữ tình.

Tuy nhiên, với bản chất tốt đẹp của mình người mẹ bao giờ cũng thế, trước hết là hát cho con: Ru con ngủ ngon giấc, kể cho chúng nghe (bằng lời ca) những mẩu chuyện hấp dẫn nho nhỏ về thằng Bõm khôn ngoan, về chú Cuội chăn trâu trên cung trăng. Dạy chúng những kiến thức sơ đẳng về đồ vật, loài vật (đòn gánh có máu, củ ấu có gai...) khuyên răn dạy dỗ, tăng cường vốn sống thiên nhiên và xã hội cùng những gì tốt đẹp nhất cho trẻ. Rồi sau đó mới là cho mình và cho người (những tâm tư, trần trở, nghĩ suy, hay những oán trách, nhẩn nhủ, nhắc nhở nhau) cho một lối sống tốt đẹp hơn.